**PHỤ LỤC 02**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06 /2023/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2023  
cùa Bộ trưởng Bộ Y tế)*

**Phụ lục 15**

HỒ SƠ MỜI THẦU

MUA DƯỢC LIỆU, VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

QUA MẠNG

ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC MỘT GIAI ĐOẠN  
HAI TÚI HỒ SƠ

**HỒ SƠ MỜI THẦU**

Số hiệu gói thầu và số thông báo mòi thầu *(trên Hệ thống):*

**Tên gói thầu** *(theo nội dung thông bảo mời thâu trên Hệ thống):*

**Dự án** *(theo nội dung thông báo mời thâu trên Hệ thống):*

**Phát hành ngày** *(theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):*

**Ban hành kèm theo Quyết định** *(theo nội dung thông bảo mời thầu trên Hệ thống):*

**Tư vấn lập hồ sơ mời thầu  
(nếu có)***[ghi tên, đóng dấu]*

**Bên mời thầu**

*[ghi tên, đóng dấu]*

**MỤC LỤC**

**HỒ SƠ MỜI THẦU 2**

**MÔ TẢ TÓM TÁT 4**

**TỪNGỮ VIẾT TẮT 6**

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU 7**

Chương I. CHỈ DẦN NHÀ THẦU 7

Chương II. BẢNG DỬ LIỆU ĐÁU THẦU 31

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT 35

CHƯƠNG IV. BIÊU MÂU MỜI THẦU VÀ Dự THÀU 37

**Phần 2. YÊU CẦU VÈ PHẠM VI CUNG CÁP 57**

Chương V. Phạm vi cung cấp 57

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỌP ĐÒNG VÀ BIÉU MẢU HỌP ĐỒNG . 57**

Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng 57

Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng 57

Chương VIII. BIÊU MĂU HỢP ĐỒNG 57

**Phần 4. PHỤ LỤC 57**

**MÔ TẢ TÓM TẮT**

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

* Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu và thực hiện theo Chương này. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đôi các quy định tại Chương này.
* Chương này được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

* Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu và thực hiện theo Chương này.
* Chương này được sổ hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Bên mời thầu nhập các nội dung thông tin vào BDL trên Hệ thống.

**Chương HI. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**

Chương này bao gồm các tiêu chí đế đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, trong đó:

* Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của HSDT) thực hiện theo Mục 1 Chương này và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống;
* Các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu còn lại thực hiện theo các Mục 2, 3, 5, 6 Chương III Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương IV. Biếu mẫu dự thầu**

* Chương này bao gồm các biêu mầu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, trong đó:
* Mầu số 01 - Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT, Mau số 02 - Giấy ủy quyền, Mau số 03 - Thỏa thuận liên danh, Mầu số 12 - Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC, Mầu số 13 (a,b) - Bảng giá dự thầu và Mầu số 00 - Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật cũa thuốc được thực hiện theo Chương này và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu đe phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.
* Đối với các biếu mầu còn lại được thực hiện theo Chương IV Mau hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CÁP**

**Chương V. Phạm vi cung cấp**

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền, yêu cầu về tiêu chuẩn kỳ thuật của dược liệu, vị thuốc cố truyền thực hiện theo Mầu số 00 Chương IV Mầu hồ sơ này và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng phù hợp với gói thầu đe phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.

Các nội dung còn lại thực hiện theo Chương V Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư sổ 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỌP ĐỒNG VÀ BIÉU MẨU HỌP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đôi các quy định tại Chương này.

Chương này thực hiện theo Chương VI Mau hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư sổ 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương VII. Điều kiện cụ thề của họp đồng**

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ the, trong đó có điều khoản cụ thế cho mỗi họp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bố sung nhung không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

Chương này thực hiện theo Chương VII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương VIII. BIÉU MẨU HỌP ĐỒNG**

Chương này gồm các biêu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của họp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi họp đồng có hiệu lực.

Chương này thực hiện theo Chương VIII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 4. PHỤ LỤC**

Bảng tiêu chuần đánh giá về kỹ thuật.

Phần này thực hiện theo Phần 4 Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thong.





**TỪ NGỮ VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| CDNT | Chỉ dẫn nhà thầu |
| BDL | Bảng dữ liệu đấu thầu |
| HSMT | Hồ sơ mời thầu |
| HSDT | Hồ sơ dự thầu |
| ĐKC | Điều kiện chung của họp đồng |
| ĐKCT | Điều kiện cụ thế cúa hợp đồng |
| VND | Đồng Việt Nam |
| TBMT | Thông báo mời thầu |

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU  
Chuông ĩ. CHÍ DẢN NHÀ THẦU**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Phạm vi gói thâu và thòi gian thực hiện họp đồng** | 1. Bên mời thâu quy định tại **BDL** phát hành bộ HSMT này đê lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm dược liệu/vị thuốc cố truyền được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. 2. Tên gói thầu; số hiệu, số lượng các phần (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) thuộc gói thầu quy định tại **BDL.** 3. Thời gian hiệu lực thỏa thuận khung đối với đầu thầu tập trung và thời gian thực hiện họp đồng quy định tại **BDL.** |
| **2. Nguồn**  **-X von** | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **BDL.** |
| **3. Hành vi bị cấm** | 1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất họp pháp vào hoạt động đấu thầu. 3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây: 4. Thỏa thuận về việc rút khởi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó đế một hoặc các bên tham gia thoa thuận thắng thầu; 5. Thỏa thuận đe một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu; 6. Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền, không kỷ hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận. 7. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây: 8. Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào; 9. Cá nhân trực tiếp đánh giá HSDT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; 10. Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong HSDT làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 11. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:   a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, |





gian lận hoặc thông đông đôi với cơ quan có chức năng, thâm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

1. Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thấm quyền về giám sát, kiếm tra, thanh tra, kiểm toán.
2. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:
3. Tham dự thầu với tu cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;
4. Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định HSMT đối với cùng một gói thầu;
5. Tham gia đánh giá HSDT đồng thời tham gia thấm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gỏi thầu;
6. Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ tham định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm thuốc do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

1. Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;
2. Áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;
3. Nêu yêu cầu cụ thế về nhãn hiệu, xuất xứ dược liệu, vị thuốc cổ truyền trong HSMT;
4. Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định của Luật đau thầu số 43/2013/QH13 nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu.
5. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường họp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật đấu thầu sổ 43/2013/QH13:
6. Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;
7. Nội dung HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;



|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Nội dung yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; 2. Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tồ chuyên gia, báo cáo thâm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;   đ) Ket quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;   1. Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật. 2. Chuyến nhượng thầu, bao gom các hành vi 3. Nhà thầu chuyên nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhung trên 50 tỷ đồng (sau khi trà phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết; 4. Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng. 5. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu. |
| **4. Tư cách họp lệ của nhà thầu** | 1. Có giây chứng nhận đủ điêu kiện kinh doanh dược do cơ quan có thấm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất dược liệu, vị thuốc cổ truyền và/hoặc bán buôn dược liệu, vị thuốc cổ truyền; 2. Hạch toán tài chính độc lập; 3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sán hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; 4. Bảo đám cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL;** 5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đẩu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; 6. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống. |
| **5. Tính hợp lệ của dưọc liệu, vị**  **thuốc cỗ truyền** | 1. Dược liệu, vị thuốc cổ truyền dự thầu được coi là phù họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây: 2. Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định tại mục 15.4 của chương này. 3. Bảo đảm về chất lưọng:   a) Nhà thầu bảo đảm các tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo yêu cầu quy định tại HSMT; |

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Dược liệu tham dự thầu không bị thu hồi theo Điều 62 Luật Dược số 105/2016/QH13; 2. Dược liệu sơ chế, vị thuốc cố truyền được sản xuất tại cơ sở đạt “Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc” (GMP) có phạm vi sản xuất dược liệu và/hoặc vị thuốc cổ truyền hoặc tương đương và đảm bảo chất lượng theo quy định tại Thông tư số 3 8/2021/TT-BYT; 3. Dược liệu, vị thuốc cổ truyền tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT-BYT ngày 3 1/12/2021;   đ) Vị thuốc cổ truyền tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;   1. Trường hợp một hoặc một số lô dược liệu, vị thuốc cổ truyền bị thu hồi thì các lô dược liệu, vị thuốc cổ truyền không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp và chỉ bị trừ điểm đối với tiêu chí kỹ thuật tại mục 2 và mục 3 Phụ lục 4 - Bảng tiêu chuấn đánh giá về kỹ thuật của Thông tư này. 2. Dược liệu, vị thuốc cô truyền dự thầu vào gói thầu, nhóm tiêu chí kĩ thuật phù hợp theo quy định tại HSMT. 3. Đê chứng minh tính hợp lệ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền dự thầu quy định tại Mục 5.1 CDNT, nhà thầu cần nêu rõ thông tin sau: 4. Đối với dược liệu: số giấy đăng ký lưu hành hoặc số công bố tiêu chuẩn chất lượng hoặc số giấy phép nhập khẩu dược liệu và các tài liệu kèm theo để minh chứng tính hợp lệ của dược liệu quy định tại **BDL.** 5. Đối với vị thuốc cổ truyền: sổ giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kèm theo để minh chứng tính họp lệ của vị thuốc cỗ truyền quy định tại **BDL.**   5.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền dir thầu được phép làm rõ quy định tại Mục 22 CDNT. |
| **6. Nội dung của HSMT** | 6.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3, 4 và cùng với tài liệu sửa đối, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:  **Phần 1. Thủ tục đấu thầu:**   * Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; * Chương 11. Bảng dữ liệu đấu thầu; * Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; * Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.   **Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:**   * Chương V. Phạm vi cung cấp.   **Phần 3. Điều kiện họp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | * Chương VI. Điều kiện chung của họp đồng; * Chương VII. Điều kiện cụ thể của họp đồng; * Chương VIII. Biểu mẫu họp đồng.   **Phần 4. Phụ lục**   1. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đôi HSMT theo quy định tại Mục 7 và 8 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. HSMT do Bên mời thầu phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá. 2. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của TBMT, HSMT, bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp. |
| **7. Sửa đổi**  **HSMT** | 1. Trường họp sửa đoi HSMT thì bên mời thầu đăng tài quyết định sửa đối kèm theo các nội dung sửa đối và HSMT đà được sửa đồi cho phù họp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 10 ngày làm việc và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường họp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điếm đóng thầu. 2. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị HSDT. |
| **8. Làm rõ HSMT** | 1. Trường họp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiếu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ đê xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thau và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điếm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. 2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống đế kịp thời làm rõ HSMT theo đề nghị của nhà thầu. 3. Tnrờng họp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền dấu thầu đe trao đổi về nhũng nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại **BDL.** Bên mời thầu đãng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội |

|  |  |
| --- | --- |
|  | dung trao đổi giữa Bên mời thầu và nhà thầu phải được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành vãn bản làm rõ HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kê từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.  8.4. Trường hợp HSMT cần phải sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đôi HSMT. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do đề loại bỏ HSDT của nhà thầu. |
| **9. Chi phí dự thầu** | HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đãng tải thành công TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT theo quy định tại **BDL.** Trong mọi trường họp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu. |
| **10. Ngôn ngữ của HSDT** | HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đôi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bố trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngừ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thế yêu cầu nhà thầu gửi bố sung. |
| **11. Thành phần của HSDT** | HSDT bao gồm HSĐXKT và HSĐXTC, trong đó:   1. HSĐXKT phải bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỳ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT. Cụ thể như sau: 2. Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT theo quy định tại Mục 12 CDNT và Mầu số 01 Chương IV-Biểu mẫu dự thầu; 3. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mầu sổ 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu; 4. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT; 5. Tài liệu chứng minh tư cách họp lệ của nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT; 6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT;   g) Đe xuất về kỹ thuật và tài liệu chứng minh sự phù họp của dược liệu, vị thuốc cổ truyền và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 15 CDNT.   1. HSĐXTC phải bao gồm các thành phần sau đây:   a) Đơn dự thầu thuộc HSĐXTC thẹo quy định tại Mục 12 CDNT và Mầu số 12 Chương IV- Biểu mẫu dự thầu; |

|  |  |
| --- | --- |
|  | b) Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 12 và Mục 13 CDNT.  11.3. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL.** |
| **12. Đon dự thâu và các bảng biếu** | Nhà thầu điền đầy đủ thông tin về đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), bảng giá dự thầu, tiến độ cung cấp vào các Mau ở Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin được Hệ thông trích xuất đê hoàn thành HSDT.  Đối với các biếu mẫu còn lại, nhà thầu lập tương ứng theo các mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu và đính kèm trong HSDT. |
| **13. Giá dự thầu và**  **giảm giá** | 1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu thuộc HSĐXTC và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này: 2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mau số 13 (13a và 13b) Chương IV vào đơn dự thầu. 3. Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong bảng giá dự thầu. Trường họp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:  * Cách thứ nhất: ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự). * Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho tùng phần vào webform trên Hệ thống.  1. Đối với gói thầu không chia phần, trường họp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi giá trị tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. 2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho từng mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo Mầu số 13 (13a và 13b) Chương IV. 3. Trường họp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần như quy định tại BDL thì nhà thầu có thế dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. 4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực |

4/

|  |  |
| --- | --- |
|  | hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.  13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điêm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. |
| **14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán** | Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND. |
| **15. Tài liệu chứng minh sự phù họp của dược liệu, vị**  **thuốc co truyền** | 1. Để chứng minh sự phù hợp của dược liệu/vị thuốc cổ truyền so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chúng minh rằng dược liệu/vị thuốc cô truyên mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp. 2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dược liệu/vị thuốc cổ truyền phải bao gồm một phần mô tả chi tiết theo tùng khoản mục vể đặc tính kỹ thuật dược liệu/vị thuốc cổ truyền, qua đó chứng minh sự đáp úng cơ bản của dược liệu/vị thuốc cố truyền so với các yêu cầu của HSMT. 3. Các thông tin tiêu chuẩn kỳ thuật liên quan đến mặt hàng thuôc do Bên mời thâu quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. 4. Tài liệu chúng minh nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng:   Nhà thầu phải có Bản cam kết về nguồn gốc xuất xứ của các dược liệu sẽ cung cấp vào cơ sở y tế (tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ của các lô dược liệu kèm theo trong quá trình cung ứng). Đồng thời, Bản cam kết phải có thêm nội dung vê việc bảo đảm các dược liệu tham gia dự thầu có nguồn gốc, xuất xứ đúng với dược liệu được cung cấp thực tể tại cơ sở y tế trong quá trình cung ứng.  Tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của vị thuốc cổ truyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Thông tư số 38/2021/TT- BYT. |
| **16. Tài liệu chứng minh năng lực và** | 16.1. Nhà thầu kê khai thông tin cần thiết vào các mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Chương ỈII - Tiêu chuẩn đánh giá |

|  |  |
| --- | --- |
| **kinh nghiệm**  **của nhà**  **thầu** | HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.  16.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại **BDL.** |
| **17. Thòi hạn có hiệu lực cũa HSDT** | 1. HSDT bao gồm HSĐXKT và HSDXTC phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL.** 2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thế đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Neu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thâu không phải nộp bán gôc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đôi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống. |
| **18. Bảo đảm dự thầu •** | 18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điếm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Trường hợp giá trị bảo đàm dự thâu dưới 10 triệu đông thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.8 CDNT. Nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.  Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:   1. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhung bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Neu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo guy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. |

Trong trường hợp này, bảo đảm dự thâu có thê bao gôm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tồng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Neu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

1. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL.**
2. Bảo đảm dự thầu được coi là không họp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chừ kỷ họp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT, có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mau số 04A, 04B Chương IV).
3. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện họp đồng.
4. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu cho bên mời thầu:
5. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;
6. Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

* Nhà thầu có văn bản rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;
* Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 34.1 CDNT;
* Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện họp đồng theo quy định tại Mục 39 CDNT;
* Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo họp đông trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thào họp dồng, kế cã trong trường hợp thương thảo

qua mạng;

* Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện họp đồng trong thời hạn 20 ngày, kế từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.
* Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trưòng họp bất khả kháng.

1. Trường họp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có the lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:
2. Bảo đảm dự thầu chung cho tất các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bang tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường họp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hon tống giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;
3. Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.

Trường họp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.

1. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đon dự thầu.
2. Đôi với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT dưới 10 triệu đồng, nhà thầu không phải xuất trình thư bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 CDNT. Trong trưòng họp này, nhà thầu phải cam kết nếu được mời vào thưong thảo họp đồng hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì phải nộp một khoản tiền bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 CDNT. Trường hợp nhà thầu từ chối nộp tiền theo yêu cầu của bên mời thầu, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 6 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Ke hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường họp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì nhà thầu bị tịch thu khoản tiền

|  |  |
| --- | --- |
|  | bảo đảm dự thầu này. |
| **19. Thòi điểm đóng thầu** | 1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại TBMT. 2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bàng cách sửa đổi TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và nhà thầu theo thời điềm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn. |
| **20. Nộp, rút và sửa đoi HSDT** | 1. Nộp HSDT: Nhà thầu chi nộp một bộ HSDT đối với một TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường họp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh. 2. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường họp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ HSDT đã nộp trước đó đe sửa đối cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp HSDT trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại HSDT mới cho phù hợp với HSMT đã được sửa đổi. 3. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu. 4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSDT trước thời diêm đóng thầu. Sau thời điếm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá. 5. Trường hợp sau thời điếm đóng thầu, nhà thầu rút không tham dự đối với phần nào thì không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thau của phần đó. |
| **21. Bảo mật** | 1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao họp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường họp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDXKT, HSĐXTC. 2. Trừ trường họp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) theo quy định tại Mục 22 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói |

19

|  |  |
| --- | --- |
|  | thầu trong suốt thời gian từ khi mở HSĐXKT cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. |
| **22. Làm rõ HSDT** | 1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kế cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chửng minh tư cách họp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bố sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ (của nhà thầu tại Mục 4 CDNT; của dược liệu, vị thuốc cổ truyền tại Mục 5 CDNT), năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đoi giá dự thầu. 2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách họp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điếm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT. 4. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu. 5. Trường họp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thâu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 25.1 E-CDNT. |
| **23. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung** | Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trinh đánh giá HSDT:   1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; 2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chê hoặc thê hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; |



|  |  |
| --- | --- |
|  | 23.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT. |
| **24. Xác định tính đáp ứng của**  **HSDT** | 1. Bên mời thẩu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT. 2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bở sót nội dung cơ bản nghĩa là nhũng điểm trong HSDT mà: 3. Neu được chấp nhận thi sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng thuốc; gây hạn chế đáng kế và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chú đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng; 4. Neu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thau khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT. 5. Bên mời thầu phải kiêm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu của Phan II - Yêu cầu về phạm vi cung câp đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản. 6. Neu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp úng cơ bản HSMT. |
| **25. Sai sót không nghiêm trọng** | 1. Với điểu kiện HSDT đáp ímg cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điêu kiện hay bở sót nội dung cơ bản trong HSDT. 2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, Bên mời thâu có thế yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cân thiết trong một thời hạn hợp lý đê sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu.   Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu đế khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Neu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.   1. Với điều kiện HSDT đáp úng cơ bản HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục |

|  |  |
| --- | --- |
|  | bị thiếu hoặc chua đáp úng yêu cẩu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT. |
| **26. Nhà**  **thầu phụ** | 1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kê khai theo Mầu số 10 Chuông IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đôi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính (trừ trường hợp HSMT quy định được phép sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).   Trường họp trong HSDT, nếu nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu. Trường họp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu chính sẽ được coi là vi phạm hành vi “chuyến nhượng thầu” theo quy định tại Mục3.8CDNT.   1. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ, ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT mà chưa được Chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyến nhượng thầu”. |
| **27. ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu** | 1. Nguyên tắc ưu đãi:   Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp dược liệu/ vị thuốc cổ truyền mà dược liệu/ vị thuốc cổ truyền đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.   1. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT:   Dược liệu/ vị thuốc cổ truyền chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được dược liệu/ vị thuốc cổ truyền đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá dược liệu/ vị thuốc cổ truyền. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của dược liệu/ vị thuốc co truyền được tính theo công thức sau đây: |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **D (%) = G\*/G (%)**  Trong đó:   * G\*: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của dược liệu/ vị thuốc cổ truyền trong HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu cỏ); * G: Là giá chào của dược liệu/ vị thuốc cố truyền trong HSDT trừ đi giá trị thuế; * D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của thuốc. D > 25% thì dược liệu/ vị thuốc cồ truyền đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này.  1. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại **BDL.** 2. Trường hợp dược liệu/ vị thuốc cô truyền do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi. |
| **28. Mở HSĐXKT** | 1. Bên mời thầu phải tiến hành mở HSĐXKT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp HSDT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 Nghị định 63/2014/NĐ-CP. Trường họp không có nhà thầu nộp HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tô chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng. 2. Biên bản mở HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: 3. Thông tin về gói thầu:  * Sổ TBMT; * Tên gói thầu; * Tên bên mời thầu; * Hình thức lựa chọn nhà thầu; * Loại họp đồng; * Thời diêm hoàn thành mở thầu; * Tống số nhà thầu tham dự.  1. Thông tin về các nhà thầu tham dự:  * Tên nhà thầu; * Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; * Thời gian có hiệu lực của HSĐXKT; * Thời gian thực hiện hợp đồng; |

ỉí/

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Các thông tin liên quan khác (nếu có). |
| **29. Đánh giá HSĐXKT** | 1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại **BDL** để đánh giá các HSĐXKT. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác. 2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐXKT: 3. Việc đánh giá tính họp lệ của HSĐXKT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT ban hành kèm theo Mầu này; 4. Nhà thầu có HSĐXKT họp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. 5. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: 6. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương 111 - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 7. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật. 8. Đánh giá về kỹ thuật: 9. Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương 111 - Tiêu chuân đánh giá HSDT; 10. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được tiếp tục xem xét, đánh giá HSĐXTC theo quy định Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. 11. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thâu theo từng phần theo quy định tại Mục 13.5 CDNT thì việc đánh giá HSĐXKT thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III - Tiêu chuân đánh giá HSDT tương ứng vói phần tham dự thầu của nhà thầu. 12. Danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được phê duyệt bằng văn bản. Bên mời thầu sẽ thông báo danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống |
| **30. Mỏ-**  **HSĐXTC** | 1. HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được bên mời thầu tiến hành mở và công khai trên Hệ thống. 2. Biên bản mở HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:   a) Thông tin về gói thầu:   * Số thông báo mời thầu; * Tên gói thầu; |

|  |  |
| --- | --- |
|  | * Tên bên mời thầu; * Hình thức lựa chọn nhà thầu; * Loại hợp đồng; * Thời điếm hoàn thành mở thầu;  1. Thông tin về các nhà thầu được mở HSĐXTC:  * Tên nhà thầu; * Giá dự thầu; * Tỷ lệ phần trăm (%) giâm giá (nếu có); * Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); * Thời gian có hiệu lực của HSĐXTC; * Các thông tin liên quan khác (nếu có).  1. Trường họp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì phải bao gồm các thông tin về giá dự thầu cho từng phần như điếm b Mục này. |
| **31. Đánh giá HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu** | 1. Bên mời thầu sẽ áp dụng phưong pháp đánh giá theo quy định tại **BDL** đe đánh giá các HSĐXTC. Không được phép sử dụng bất kỳ phương pháp đánh giá nào khác. 2. Đánh giá chi tiết HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu: 3. Việc đánh giá chi tiết HSĐXTC thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 4. Sau khi đánh giá chi tiết HSĐXTC, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo họp đồng. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại **BDL.** Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. 5. Cho phép dự thầu theo từng phần theo quy định tại Mục 13.2 CDNT thì việc đánh giá HSĐXTC thực hiện theo quy định tại Mục 6 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT tương úng với phần tham dự thầu của nhà thầu. |
| **32. Thuong thảo họp đồng** | 32.1. Căn cứ quyểt định phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, Bên mời thầu mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo hợp đồng. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:   1. Báo cáo đánh giá HSDT; 2. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu; 3. HSMT và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSMT (nếu có). |

Nhà thầu được mời vào thương thảo họp đồng phải nộp bản gốc bảo đảm dự thầu hoặc tiền mặt trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 CDNT dưới 10 triệu đồng.

1. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:
2. Không tiến hành thương thảo đổi với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;
3. Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).
4. Trong quá trình lựa chọn nhà thầu tập trung, để bảo đảm hiệu quả kinh tế của gói thầu, việc thương thảo họp đồng thực hiện theo quỵ định tại Khoản 3 Điều 19 Nghị định 63/2014/NĐ-CP và có thể xem xét xử lý tình huống như sau:

Trường hợp có một mặt hàng dược liệu/vị thuốc cố truyền với số lượng lớn được phân chia thành các gói thầu theo quy định tại diem a Khoản 4 Điều 40 Thông tư này và có cùng một mặt hàng được đề nghị trúng thầu ở nhiều gói thầu với mức giá chênh lệch nhau thì có the xem xét theo hướng yêu cầu nhà thầu phân tích các yếu tố cấu thành giá dự thầu, giải thích, làm rõ về sự chênh lệch giá của cùng một mặt hàng nhưng được cung cấp tại các địa điểm khác nhau.

1. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thế xem xét, thương thảo trực tuyển.
2. Nội dung thương thảo hợp đồng:
3. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù họp, thống nhất giữa HSMT và HSĐXKT, HSĐXTC; giừa các nội dung khác nhau trong HSĐXKT, HSĐXTC có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
4. Thương thảo về tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dược liệu, vị thuốc cổ truyền theo quy định tại Thông tư số 38/2021/TT - BYT;
5. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSĐXTC (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi của nhà thầu;
6. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 25 CDNT;

1. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Trong quá trình thương thảo hợp đông, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của họp đồng, phụ lục họp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp. 2. Trường hợp thương thảo không thành công hoặc nhà thầu không có khả năng đáp úng số lượng yêu cầu tại Hồ sơ mời thầu, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điếm a Mục 34.1 CDNT. |
| **33. Điều**  **kiện xét**  **duyệt trúng thầu** | Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:   1. Có HSDT họp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT; 4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại **BDL;** 5. Ngoài ra, mặt hàng dược liệu, vị thuốc cố truyền trúng thầu còn phải đáp ứng các điều kiện sau đây: 6. Mặt hàng dược liệu, vị thuốc cố truyền trúng thầu phải đáp ứng quy định sau:  * Giá đề nghị trúng thầu cùa từng mặt hàng dược liệu, vị thuốc cố truyền không được cao hơn giá trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được người có thẩm quyền phê duyệt. * Trường họp giá dự thầu của tất cá các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và nằm trong danh sách xếp hạng đều vượt giá gói thâu đã duyệt thì chủ đâu tư xem xét, xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019; * Tuân thủ các quy định khác về quản lý giá dược liệu, vị thuốc cô truyền, đấu thầu dược liệu, vị thuốc cồ truyền có liên quan.  1. Mặt hàng dược liệu, vị thuốc cổ truyền của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất hoặc giá đánh giá thấp nhất hoặc điểm tổng hợp cao nhất theo quy định thì được xem xét đề nghị trúng thầu; 2. Trường họp giá đề nghị trúng thầu hoặc giá đánh giá hoặc điếm tổng hợp bằng nhau thì lựa chọn mặt hàng dược liệu, vị thuốc cố truyền đế xem xét đề nghị trúng thầu theo thứ tự ưu tiên như sau: |

|  |  |
| --- | --- |
|  | * Trao thầu cho nhà thầu có giá đề nghị trúng thầu thấp nhất. * Mặt hàng có điếm kỹ thuật cao hơn hoặc mặt hàng dược liệu có nguồn gốc trong nước hoặc vị thuốc cổ truyền được sản xuất từ dược liệu có nguồn gốc trong nước có chất lượng tương đương. * Mặt hàng có diem kỹ thuật bằng nhau thì xem xét theo thứ tự ưu tiên như sau:   + Mặt hàng được sản xuất trên dây chuyền đạt Thực hành tốt sản xuất dược liệu, vị thuốc cố truyền (GMP) và kiểm soát chất lượng tại Phòng thí nghiệm đạt Thực hành tốt phòng thí nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc (GLP);  + Mặt hàng của nhà thầu có kinh nghiệm, uy tín trong cung cấp dược liệu, vị thuốc cố truyền vào cơ sở y tế: Căn cứ vào kinh nghiệm cung cấp của nhà thầu, uy tín của nhà thầu trong cung cấp dược liệu, vị thuốc cố truyền tại cơ sở y tế như việc bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp, có hệ thống phân phối trên địa bàn v.v |
| **34. Hủy**  **thầu** | 1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây: 2. Không có nhà thầu tham dự hoặc tất cả HSDT hoặc HSDT vào phần không đáp ứng được các yêu cầu của phần tương ứng nêu trong HSMT; 3. Thay đôi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT; 4. HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đẩu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu đế thực hiện gói thầu, dự án; 5. Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đẩu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 6. Tô chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 34.1 CDNT phải đen bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật. 7. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 34.1 CDNT, trong thời hạn 5 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điếm d Mục 34.1 CDNT. |
| **35. Thông báo kết quả lụa chọn nhà thầu** | 35.1. Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá HSDT trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà |

|  |  |
| --- | --- |
|  | thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:   1. Thông tin về gói thầu:  * Số TBMT; * Tên gói thầu; * Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); * Tên Bên mời thầu; * Hình thức lựa chọn nhà thầu; * Loại họp đồng.  1. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:  * Mã số doanh nghiệp hoặc số Đãng ký doanh nghiệp của nhà thầu; * Tên nhà thầu; * Giá dự thầu; * Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); * Điếm kỹ thuật (nếu có); * Giá đánh giá (nếu có); * Giá trúng thầu; * Thời gian thực hiện hợp đồng.  1. Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 34.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu. 3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục 35.1 CDNT, nếu nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn |
|  | nhà thầu Bên mời thầu phải có vãn bản trả lời gửi cho nhà thầu. |
| **36. Thay đổi số lượng dược liệu/vị thuốc cổ truyền** | Vào thời điếm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm số lượng dược liệu/vị thuốc cổ truyền nêu trong Chưong V - Phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đối đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. |
| **37. Thông báo chấp thuận HSDT và** | Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện họp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết họp đồng theo |

|  |  |
| --- | --- |
| **trao họp đồng** | quy định tại Mầu số 16 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực đế thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phan của hồ sơ họp đồng. Trường họp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện họp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao họp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điêm b Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kế từ ngày bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu |
|  | trên Hệ thống. |
| **38. Điều kiện ký kết họp đồng hoặc thỏa thuận khung** | 1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận khung, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực. 2. Tại thời điếm ký kết hợp đồng hoặc thỏa thuận khung, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính đế thực hiện gói thau. Neu có dấu hiệu nhà thầu không đáp ứng số lượng tại HSMT, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu chứng minh có đủ số lượng dược liệu/vị thuốc cổ truyền đáp ímg số lượng tại HSMT như yêu cầu bổ sung thẻ kho thể hiện xuất nhập tồn mặt hàng dưọo liệu/vị thuốc cổ truyền dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng.   Trường họp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết họp đồng hoặc thỏa thuận khung với nhà thầu.  Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.   1. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ. |
| **39. Bảo đảm thực hiện họp đồng** | 1. Trước khi họp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc với nội dung và yêu cầu như quy định tại Mục 6 ĐKCT. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẩu số 17 Chương VIII - Biểu mẫu họp đồng hoặc một mau khác được Chủ đẩu tư chấp thuận. 2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện họp   đồng trong trường hợp sau đây: *L'* |

30

|  |  |
| --- | --- |
|  | 1. Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; 2. Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; 3. Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. |
| **40. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu** | Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại **BDL.** Việc giải quyết kiến nghị trong đau thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 và Mục ’ 2 Chương XII Nghị định số 63/2014/NĐ-CP. |
| **41. Theo dồi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu** | Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù họp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tố chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại **BDL.** |



|  |  |
| --- | --- |
| **CDNT 1.1** | Tên Bên mời thầu: *[Theo tên đăng ký trên Hệ thống].* |
| **CDNT 1.2** | Tên gói thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất].*  Tên dự án là: *[Hệ thống tự động trích xuất].*  Số lượng và số hiệu các phần thuộc gói thầu: *[Theo Mục 18.2*  *BDL].* |
| **CDNT 1.3** | Thời gian hiệu lực thỏa thuận khung đổi với đẩu thầu tập tiling: *[ghi thời gian cụ thê theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt].*  Thời gian thực hiện hợp đồng: *[ghi thời gian cụ thẻ theo kế hoạch*  *lựa chọn nhà thầu được duyệt].* |
| **CDNT2** | Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn); *[Theo TBMT].* |
| **CDNT 4.4** | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:   * Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:  *[ghi đây đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu],* trù\* trường hợp Chủ đâu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn. * Nhà thâu tham dự thầu không có cố phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thế như sau:   + Tư vấn lập, thấm định HSMT: *[ghi đầy đủ tên và địa chi của đơn vị tư vấn (nếu có)];*  + Tư vấn đánh giá HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:  *[ghi đầy đủ tên và địa chi của đơn vị tư van (nếu có)].*  Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tố chức trực tiếp quàn lý vời1: *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu].* |
| **CDNT 5.3.1** | Tài liệu, thông tin chứng minh về tính họp lệ của dược liệu dự thầu: *[- Các thông tin phải phù hợp với thông tin về dược liệu trong đơn hàng nhập khâu hoặc bản công bố tiêu chuẩn chất lượng dược liêu hoặc giấy đăng kỷ lưu hành của dược liệu do Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cô truyền/Cục Quản lý Dược) cấp.*  *- Đôi với trường hợp mặt hàng tham dự thầu là dược liệu nằm trong đơn hàng nhập kháu hết hiệu lực hoặc có giấy đăng ký lưu hành hết hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực trước thời điếm đóng thầu, nhà thâu cân cung câp các tài liệu chứng minh dược liệu được nhập khâu hoặc sản xuất trong thời hạn hiệu lực của đơn hàng nhập khâu* |

**Chưong II. BẢNG DỮ LIỆU ĐÁU THẦU**

1 Chi đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đon vị sự nghiệp.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *hoặc giây đăng ký lưu hành hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đăng ký’ lưu hành và đảm bảo đủ so lượng cung ứng theo yêu cầu của hổ sơ mời thâu (tài liệu chứng minh vê nguồn gốc, xuất xứ; thẻ kho thê hiện xuất nhập tôn mặt hàng dự tháu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng).*  *- Đôi với trường hợp giây chứng nhận đáp ứng thực hành tôt sản xuất dược liệu (GMP) hết hiệu lực trước thời điếm đóng thầu, nhà thầu cần cung cáp các tài liệu chứng minh dược liệu được sản xuât trong thời hạn hiệu lực của GMP và đảm bảo đủ số lượng cung ứng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (thẻ kho thê hiện xuất nhập tồn mặt hàng dự thầu và hóa đơn mua vào, bán ra tương ứng)].* |
| **CDNT 5.3.2** | Tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của vị thuốc co truyền dự thầu:  *[- Các thông tin phải phù hợp với thông tin vê vị thuôc cô truyền trong giấy đăng ký lưu hành hoặc đơn hàng nhập khấu của vị thuôc cố truyền được Bộ Y tế (Cục Quản lý Y, Dược cô truyền/Cục Quản lý Dược) cấp.*   * *Đổi với trường hợp mặt hàng tham dự thầu là vị thuốc cổ truyền cỏ giấy đãng ký lưu hành hết hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực trước thời diêm đóng thầu, nhà thâu cân cung câp các tài liệu chúng minh vị thuốc cô truyền dupe sản xuất trong thời hạn hiệu lực của đon hàng nhập khâu hoặc giấy đăng ký lưu hành hoặc thời hạn gia hạn hiệu lực của giấy đăng kỷ lưu hành và đảm bảo đủ sổ lượng cung ứng theo yêu cảu của hô sơ mời tháu (tài liệu chúng minh về nguồn gốc, xuât xứ; thẻ kho thê hiện xuât nhập tôn mặt hàng dự thầu và hóa đon mua vào, bán ra tương ứng).* * *Đôi với trường hợp giấy chứng nhận đáp ứng thực hành tắt sản xuất vị thuôc cô truyền (GMP) hết hiệu lực trước thời điếm đóng thầu, nhà thầu cần cung Cấp các tài liệu chứng minh vị thuốc cổ truyền được sản xuảt trong thời hạn hiệu lực của GMP và đám bảo đủ số lượng cung Úng theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (thẻ kho thê hiện xuất nhập tồn mặt hàng dự thầu và hóa đon mua vào, bản ra tương ứng)].* |
| **CDNT 8.3** | Hội nghị tiền đẩu thầu: *[ghi* "có" *hoặc* "không". *Trường hợp*  *"có" thì ghi rõ thời gian, địa diêm tố chức hội nghị tiền đấu thầu, so điện thoại của người chịu trách nhiệm tố chức hội nghị tiền đấu thầu]* |
| **CDNT9** | Chi phí nộp HSDT: *[Hệ thong tự trích xuất theo quy định hiện*  *hành].* |
| **CDNT 11.3** | Nhà thầu phải nộp cùng vói HSDT các tài liệu sau đây: *[ghi tên các tài liệu cẩn thiết khác mà nhà thâu cân nộp cùng với HSDT theo yêu câu trên cơ sở phù họp với quy mô, tinh chất của gói thầu và không làmỵ* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu. Nếu không có yêu cầu thỉ phải ghi rõ là* “không yêu cầu ”]. |
| **CDNT 13.2** | Các phần của gói thầu: *[Do gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập nêu rõ danh mục, nội dung công việc của từng phần và điều kiện dự thâu theo tùng phân hoặc nhiêu phân. Trong Mục này cũng quy định rõ cách chào giá riêng cho từng phân hoặc nhiêu phân, giá trị bảo đảm dự thâu cho từng phản hoặc nhiêu phán của gói thâu].* |
| **CDNT 16.2** | Các tài liệu, thông tin đê chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:   1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược: Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất dược liệu, vị thuốc cố truyền và/hoặc bán buôn dược liệu, vị thuốc cố truyền; 2. Thông tin về đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt theo tìmg loại hình kinh doanh:  * Đối với cơ sở nhập khẩu dược liệu, vị thuốc cổ truyền: Giấy chứng nhận đạt GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phạm vi bảo quản dược liệu, vị thuốc cô truyền). * Đối với cơ sở bán buôn dược liệu, vị thuốc cố truyền: Giấy chúng nhận đạt GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phạm vi bán buôn dược liệu, vị thuốc cố truyền). * Đối với cơ sở sản xuất dược liệu, vị thuốc cổ truyền: Giấy chứng nhận đạt GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, phạm vi sân xuất dược liệu, vị thuốc cố truyền). * Đối với dược liệu đạt GACP: Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP. * Nhà thầu ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại mầu số 05 (5 a và 5b) của Biếu mẫu dự thầu để phục vụ việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục I, Phần 4, Phụ lục “Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỳ thuật”;  1. Thông báo trúng thầu hoặc hóa đơn bán thuốc hoặc hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế hoặc các tài liệu khác để chứng minh kinh nghiệm cung ứng thuốc đe đánh giá theo quy định tại Mục 11 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;   Các tài liệu do nhà thầu cung cấp khi tham dự thầu là bản chụp có đóng dấu xác nhận của nhà thầu đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc đế phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu. |
| **CDNT 17.1** | Thời hạn hiệu lực của HSDT là: > ngày *[trích xuất theo TBMT],* kế  từ ngày có thời điểm đóng thầu. |
| **CDNT 18.2** | Nội dung bảo đảm dự thầu:  - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: *[Xác định theo Mau số 00 Chương IV]* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thâu: *[Hệ thông trích xuât từ TBMT]* |
| **CDNT 27.3** | Cách tính ưu đãi:  *[Trường họp áp dụng phương pháp giá tháp nhát thì quy định dược liệu/ vị thuốc cô truyên không thuộc đôi tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoán tiền bằng 7,5% giả dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của dược liệu/ vị thuốc cô truyền đó vào giả dự thầu trừ đi giá trị. giảm giá (nêu có) của nhà thầu đê so sánh, xêp hạng.*  *Trường họp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì quy định dược liệu/ vị thuốc cô truyền không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bang 7,5°/ogiá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của thuôc đó vào giả đảnh giá của nhà thâu đê so sánh, xếp hạng. Trường hợp áp dụng phương pháp kết họp giữa kỹ thuật và giá, thuốc thuộc đôi tượng được hưởng ưu đãi được cộng diêm ưu đãi vào điểm tông họp theo công thức sau đây:*  *Điêm ưu đãi = 0,075* X *(giả thuốc ưu đãi/giả của phần tương ứng trong gỏi thầu)* X *diêm tông hợp. Trong đủ: Giả thuốc ưu đãi là giả dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nêu có) của thuốc thuộc đổi tượng được hưởng un đãi].* |
| **CDNT 29.1** | Phương pháp đánh giá HSĐXKT là:   1. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: sử dụng tiêu chí đạt/không đạt; 2. Đánh giả về kỹ thuật: *[ghi cụ thế phương pháp đánh giả về kỹ*   *thuật. Bên mời thâu căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà áp dụng phương pháp đánh giá theo phương pháp chấm điếm cho phù họp với tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III- Tiêu chuẩn đảnh giáHSDT].* |
| **CDNT31.1** | Phương pháp đánh giá về tài chính: *[ghi cụ thê phương pháp đánh*  *giá vê tài chính. Bên mời thâu căn cứ quy mô, tính chát của gói thầu mà áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp giá đánh giá hoặc phương pháp kết họp giữa kỹ thuật và giả cho phù họp với tiêu chuân đánh giá quy định tại Mục 5 Chương III — Tiêu chuẩn đánh giảHSDT].* |
| **CDNT 31.2 (b)** | xếp hạng nhà thầu: *[Hệ thong trích xuất khỉ chọn phương pháp đánh giá tại Mục 31. ỉ CDNT như sau:*  *- Chọn phương pháp giá thấp nhất thì trích xuất: “nhà thầu có giá dự thau sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất*   * *Chọn phương pháp giá đánh giá thì trích xuất: “nhà thầu có giá đánh giá tháp nhát được xêp hạng thứ nhất* * *Chọn phương pháp kết họp giữa kỹ thuật và giá thì trích xuất: “nhà thầu có diêm tông họp cao nhất được xếp hạng thứ nhất ”].* |

|  |  |
| --- | --- |
| **CDNT 33.4** | *[Hệ thống trích xuất khi chọn phương pháp đảnh giá tại Mục 31. ỉ như sau:*  *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thỉ ghi như sau: “nhà thầu có giá dự thầu trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất*  *Trường họp áp dụng phương pháp giá đánh giả thì ghi nhu: sau: “nhà thầu có giá đảnh giá thâp nhát*  *Trường hợp áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá thì. ghi như sau: “nhà thâu có diêm tông hợp cao nhất”].* |
| **CDNT 36** | * Tỷ lệ tăng số lượng tối đa là: thông thường tối đa không quá *lQ°/o[ghi tỷ lệ %];* * Tỷ lệ giảm số lượng tối đa là: thông thường tối đa không quá 10%/g/?/ *tỷ lệ %].* |
| **CDNT 40** | * Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư: *[ghi đầy đu tên, địa*   *chi, số điện thoại, so fax];*   * Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Người có thẩm quyền: *[ghi đầy đủ*   *tên, địa chi, số điện thoại, so fax];*   * Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vẩn: *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, sổ điện thoại, so fax].* |
| **CDNT 41** | Địa chỉ của tố chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: *[ghi đây đủ tên, địa chỉ, sô điện thoại, so fax của tô chức, cả nhân được Người có thâm quyên giao nhiệm vụ thực hiện theo dõi, giám sát quả trình lụa chọn nhà thâu cùa gói thẩu/dự án (nêu có)].* |

**Chuông III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT**

Mục 1. Đánh giá tính họp lệ của HSDT

HSDT của nhà thầu được đánh giá là họp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT. Đối với trường họp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT. Thư bảo lãnh không được ký trước khi Bên mời thầu phát hành HSMT không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp úng đủ các cam kết theo quy định tại Mau so 04A, 04B Chương IV). Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá.
2. Trong trường họp liên danh thì thởa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thê và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mầu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu quy định tại Mầu số 13 (13a và 13b) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.
3. Nhà thầu bảo đảm tư cách họp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.
4. Mặt hàng dược liệu, vị thuốc cố truyền bảo đảm tư cách hợp lý theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT họp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Các tiêu chuấn đánh giá hồ sơ dự thầu còn lại thực hiện theo các Mục 2, 3, 5, 6 Chương III Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.



**CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU MỜI THÀU VÀ DỰ THẤU**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **stt** | **Biểu mẫu** | **Cách thực hiện •** | **Trách nhiệm thục hiện** | | **Văn bản pháp lý quy định** |
| **Bên mòi thầu** | **Nhà thầu** |
| 1 | Mầu số 00. Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu kỹ thuật của dược liệu/vị thuốc cồ truyền | Webform | **X** |  | Thực hiện theo quy định của Phụ lục này |
| **HSĐXKT** | |  |  |
| 2 | Mầu sổ 01. Đơn dự thầu thuộc HSĐXKT |  | **X** |
| 3 | Mầu số 03. Thỏa thuận liên danh |  | X |
| 4 | Mầu số 02. Giấy ủy quyền | Scan đính kèm lên Hệ thống |  | X |
| 5 | Mau so 04(a). Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường họp nhà thầu độc lập) |  | X |
| 6 | Mau số 04(b). Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường họp nhà thầu liên danh) |  | X |
| 7 | Mầu so 05(a). Bản kê khai thông tin về nhà thầu | Scan đính kèm lên Hệ thống |  | X | Thực hiện theo quy định của Phụ lục này  Thực hiện theo Chương IV |
| 8 | Mau so 05(b). Bản kê khai thông tin về các thành viên của nhà thầu liên danh |  | X |
| 9 | Mau sổ 06(a). Bảng tổng họp hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện |  | X |
| 10 | Mau so 06(b). Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện |  | X |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 11 | Mầu số 07. Tình hình tài chính của nhà thầu |  |  | X | Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư sổ 09/2022/TT -BYT |
| 12 | Mau số 08. Nguồn lực tài chính |  | X |
| 13 | Mau số 09. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các họ-p đong đang thực hiện |  | X |
| 14 | Mầu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ |  | X |
| 15 | Mầu số 11 (a). Biểu mẫu dự thầu gói dược liệu | Webform |  | X | Thực hiện theo quy định cúa Phụ lục này |
| 16 | Mầu sổ 11 (b). Biểu mẫu dự thầu gói vị thuốc cố truyền |
| **HSĐXTC** | |  |  |  |  |
| 17 | Mầu số 12. Đơn dự thầu (HSĐXTC) | Webform |  | X | Thực hiện theo quy định của Phụ lục này |
| 18 | Mau so 13(a). Bảng giá dự thầu (gói thầu dược liệu) |  | X |
| 19 | Mau so 13(b). Bảng giá dự thầu (gói thầu vị thuốc cổ truyền) |  | X |
| 20 | Mau so 14(a). Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với dược liệu/ vị thuốc cổ truyền được hưởng ưu đãi | Scan đính kèm lên Hệ thống |  | X | Thực hiện theo Chương IV Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT -BYT |
| 21 | Mau so 14(b). Bảng thuyết minh chi phí sản xuất trong nước trong cơ cấu giá |  | X |



**Mẩu số 01 (Webform trên Hệ thống)**

ĐƠN DựTHẦƯ\*1\*

*(thuộc Hồ sơ đề xuất kỹ thuật)*

Ngày:*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu:*[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu *[ Hệ thông tự động trích xuât]* sô TBMT:*[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT.

Hiệu lực của HSDT:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Bảo đảm dự thâu:*[ghi giá trị hăng sô, bằng chữ và đông tiền của hảo đảm dự thầu].*

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu:*[ghi thời gian hiệu lực kê từ ngày đóng thầu]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải the hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp hoặc các tài liệu tương đương khác;
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khỉ tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.
6. Trường họp trúng thầu, HSDT và các văn bản bố sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.
7. Neu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMT.

Trường họp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu (hoặc bào đảm dự thầu bằng tiền mặt nếu có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sè bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Ke hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

1. Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp HSDT qua mạng.



**Mẫu số 02 (scan đính kèm)**

GIẤY ỦY QUYÈN(I)

Hôm nay, ngày tháng năm , tại

Tôi là *[ghi tên, so CMND hoặc sổ hộ chiếu, chức danh của người đại*

*diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của *[ghi*

*tên nhà thầu]* có địa chỉ tại*[ghi địa chi của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho *[ghi tên, số CMND hoặc sô hộ chiêu, chức danh của người được*

*ủy quyền]ứìực* hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* do*[ghi tên Bên mời thầu]* tổ chức:

* *Ký các văn bản, tài liệu đê giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kế cả văn bản đê nghị làm rõ HSMT và vãn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc vãn bàn đê nghị rút HSDT, sửa đối, thay thê HSDT;*
* *Tham gia quá trình thưong thảo, hoàn thiện họp đông;*
* *Ký đon kiến nghị trong trường họp nhà thầu có kiến nghị;*
* *Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn]W*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của *[ghi tên nhà thầu]. [ghi*

*tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về nhùng công việc do *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi

ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kế từ ngày đến ngày (3). Giấy ủy quyền

này được lập thành có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_ bản,

người được ủy quyền giữ bản, Bên mời thầu giữ bản.

, ngày tháng năm... , ngày tháng năm

**Người được ủy quyền Ngưòi ủy quyền**

*[ghi tên, chức danh, kỷ tên và [ghi tên người đại diện theo pháp luật đóng dâu (nêu có)] của nhà tháu, chức danh, ký tên và*

*đóng dấu]*

***Ghi chú:***

*(ỉ) Trường họp ủy quyền thì nhà thầu phải scan đỉnh kèm Giấy ủy quyền trên Hệ thông cùng với HSDT. Việc ủy quyên của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện cùa nhà tháu đê thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dâu trong trường hợp được ủy quyên có thê là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyển không được tiếp tục ủy quyển cho người khác.*

*Đối với đẩu thầu dược lỉệu/vị thuốc cô truyền qua mạng, Giấy ủy quyền không bao gồm ủy quyền ký đơn dự thầu và ký thỏa thuận liên danh; việc ký đơn dự thâu và ký thỏa thuận liên danh được thực hiện thông qua chứng thư sổ của* *nhà thầu. Trường họp ủy quyền kỷ đơn dự thầu và ký thỏa thuận liên danh thì người được ủy quyền phải sử dụng chứng thư sổ của người ủy quyền.*

*Trường hợp Giảm đôc chỉ nhảnh được ủy quyên ký đơn dự thâu và Giám đốc chi nhánh sử dụng chứng thư sổ của. mình đê ký đơn dự thầu thì tên nhà thầu trích xuất trong đon dự thầu là chỉ nhánh và nhà thầu sẽ bị đánh giá không đạt về tư cách hợp lệ.*

1. *Phạm vi ủy quyền bao gôm một hoặc nhiều công việc nêu trên. Người đại diện theo pháp luật của Nhà thâu có thê bô sung thêm các nội dung ủy quyển khác.*
2. *Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giây ủy quyển phù hợp*

*với quá trình tham gia đấu thầu. .*

**Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**

THOA THUẬN LIÊN DANH(1)

Ngày:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Gói thầu: *[Hệ thong tự động trích xuất ]*

Thuộc dự án:*[Hệ thong tự động trích xuất]*

Căn cứ(2) *[Hệ thong tự động trích xuất]*

Căn cứ(2)*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ HSMT Gói thầu:*Hệ thong tự động trích xuất]* với số TBMT: *[Hệ thong tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh thứ nhất***[Hệ thống tự động trích xuất]*

Số đăng ký doanh nghiệp:*[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

**Tên thành viên liên danh thứ hai:***[Hệ thong tự động trích xuất]*

Số đăng ký doanh nghiệp:*[Hệ thong tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

• ••

**Tên thành viên liên danh thứ n:***[Hệ thong tự động trích xuất]*

Số đãng ký doanh nghiệp:*[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh đe tham dự thầu gói thầu*[Hệ thong tự động trích xuất]* thuộc dự án*[Hệ thong tự động trích xuất].*
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đen gói thầu này là:*[ghi tên của liên danh].*
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong họp đồng. Trường họp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

* *Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;*
* *Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đong;*
* *Hình thức xử lý khác[ghi rõ hĩnh thức xử lỷ khác].*

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm đế thực hiện gói thầu *[Hệ thong tự động trích xuất]* thuộc dự án*[Hệ thong tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công *[Hệ thong tự động trích xuất thành viên*

*lập liên danh]* làm thành viên đúng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong nhũng phần việc sau(3):

* Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp HSDT cho cả liên danh.

*[- Ký các văn bán, tài liệu đê giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT;*

* *Thực hiện bảo đảm dự tháu cho cả liên danh;*
* *Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện họp đồng;*
* *Kỷ dơn kiến nghị trong trường họp nhà thầu có kiến nghị;*
* *Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng [ghi rõ nội dung các*

*công việc khác (nếu có)].*

1. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây(4):

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên các thành viên trong liên danh** | **Nội dung công việc đảm nhận** | **Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so vói tong giá dự thầu** |
| 1 | Tên thành viên đứng đầu liên danh | **-** | - %  - % |
| 2 | Tên thành viên thứ 2 | — | - %  - % |
| .... | .... | .... |  |
| **Tổng cộng** | | **Toàn bộ công việc của gói thầu** | **100%** |

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực ke từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

* Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
* Các bên cùng thỏa thuận chấm dút;
* Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
* Hủy thâu gói thâu*[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án

*[Hệ thong tự động trích xuất]* theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

*[xác nhận, chữ kỷ so]*

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

*[xác nhận, chữ ký so]*

Ghi chú:

1. Trường họp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của tùng thành viên liên danh đổi với phần tham dự thầu.
2. Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
3. Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
4. Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, ke cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục trong phạm vi công việc.

**Mầu số 04a (Scan đính kèm)**

**BẢO LẢNH Dự THẦU(J>**

*(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)*

**Bên thụ hưỏìig:** *[ghi tên và địa chi cùa Bên mời thầu quy định tại Mục 1. Ị E-BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:** *[ghi ngày phát hành bao lãnh]*

**BẢO LÃNH Dự THÂU số:** *[ghi số trích yếu của Bào lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:** *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa*

*dược the hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chủng tôi được thông báo ràng *[ghi tên nhà thầu]* (san đây gọi là “Nhà thầu") sẽ

tham dự thầu để thực hiện gói thầu*[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án*[ghi tên dự án]* theo Thư mời thầu/E-TBMT sổ*[ghi số trích yếu cùa Thư mời thầu/E-TBMT].*

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là*[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].*

Bảo lãnh này có hiệu lực trong (2) ngày, kể từ ngày tháng năm \_(3).

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết(4> sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là *[ghi rõ giá trị bang so, bang chữ và đồng tiền*

*sử dụng]* khi nhận được vãn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Nhà thau rút E-HSDT sau thời điềm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-

HSDT;

1. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đẩu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 34.1 E-CDNT của E-HSMT;
2. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bàn thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thòng báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;(5)
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bào đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 E-CDNT của E-HSMT.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký

kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bàn thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện họp pháp của ngân hàng**

*[ghì tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

1. Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hoai, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ dầu tư, Bên mời thầu thì báo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lành dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, đế bảo đàm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bão đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chù đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thau đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.
2. Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL.**
3. Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL.**
4. Ti-ường họp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu ttên tỉừ bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không họp lệ.
5. Chỉ áp dụng đối với mua sam tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.



**Mẩu số 04b (Scan đính kèm)**

**BẢO LÃNH Dự THẢU(I)**

*(áp dưng đối vói nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng:** *[ghi tên và địa chì cua Bên mời thầu quy định tại Mục 1.1 BDL]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:** *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH Dự THẦU số:** *[ghi sổ trích yếu cùa Bảo lãnh dự thầu]*

**Bên bảo lãnh:** *[ghi tên và địa chì nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được*

*thê hiện ờ phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[ghi tên nhà thầu](2>* (sau đây gọi là “Nhà thầu") sẽ

tham dự thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi lên dự án]*

theo Thư mời thầu/E-TBMT sổ*[ghi số trích yếu cùa Thư mời thầu/E-TBMT].*

Chủng tôi cam kết vói Bên thụ hường rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bàng một khoản tiền là*[ghi rõ giá trị bằng số. bằng chữ và đồng tiền sử dụng].*

Bảo lãnh này có hiệu lực trong (3) ngày, kể từ ngày tháng năm (4).

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<5) sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử*

*dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đày:

1. Nhà thau rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E- HSDT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 34.1 E-CDNT của E-HSMT;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp dồng nhưng từ chổi ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;
5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện thỏa thuận khung trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện thỏa thuận khung nhưng từ chối hoặc không ký thỏa thuận khung, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật dân sự;(6)
6. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39.1 E-CDNT của E-HSMT;
7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh *[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh]*

vi phạm quy định của pháp luật dẫn dến không đirợc hoàn trá bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT của E-HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu kỷ kết hợp đồng và nộp báo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hường theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bàn thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện họp pháp của ngân hàng**

*[ghì tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

1. Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: cỏ giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngẳn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đủng tên đơn vị thụ hường, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bẩt lợi cho Chù đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bào lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để báo đảm quyền lợi cùa Chù đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bào đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bào lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.
2. Tên nhà thầu có thê là một trong các trường họp sau đầy:

* Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;
* Tên cùa thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + c tham dự thầu, trường họp trong thoà thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh till tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B +C)”, trường họp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và c thi tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;
* Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

1. Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **E-BDL.**
2. Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **E-BDL.**
3. Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một sổ cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **E-CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không họp lệ.
4. Chi áp dụng đối với mua sắm tập trung có sử dụng thỏa thuận khung.

**Mẩu số 11 (a) (webform trên hệ thống)**

**BIẾU MẪU DỰ THẦU  
(gói thầu dược liệu)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT theo*  *HSMT* | *Tên dược liệu* | *Bộ phận dùng* | *Tên khoa học* | *Dạng*  *Sff chế* | *Quy cách đóng gói* | *Phân nhóm* | *Hạn dùng (Tuoi thọ)* | *Số ĐKLH/ GPNK/SỐ công hố TCCL* | *Cơ sở sàn xuất* | *Cơ sở cung cấp* | *Đơn vị tính* | *Sổ lượng dự thầu* |
| ***(1)*** | *QL* | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | ***(11)*** | ***(12)*** | ***(13)*** |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***- Các cột (2), (3), (4), (5), (7), (13) được trích xuất từ Mẩu sổ 00 Chương này.***

**Mẩu số 11 (b) (webform trên hệ thống)**

**BIỂU MẪU DỰ THẦU  
(gói thầu vị thuốc cổ truyền)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STTtheo HSMT* | *Tên vị thuốc cố truyền* | *Bộ phận dùng* | *Tên khoa học* | *Phương pháp chế biến* | *Quy cách đóng gói* | *Phân nhóm* | *Hạn dùng (Tuổi thọ)* | *SỐ*  *ĐKLH/ GPNK* | *Cơ sở sản xuất* | *Cơ sở cung cấp* | *Đơn vị tính* | *Số lượng dự thầu* |
| ***(1)*** | ***(2Ị*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | ***(11)*** | ***(12)*** | ***(13)*** |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

lí/

***- Các cột (2), (3), (4), (5), (7), (13) được trích xuất từ Mầu số 00 Chương này.***

**Mầu số 12 (webform trên Hệ thống)**

**ĐƠN Dự THẦU(1)*(thuộc Hồ SO' đề xuất tài chính)***

Ngày: *[Hệ thổng tự động trích xuất]*

Tên gói thầu: *[Hệ thong tự động trích xuất]*

Kính gửi:*[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: *[Hệ thống tự động trích xuất]* cam kết thực hiện gói thầu

*[Hệ thông tự động trích xuat] so TBMT [Hệ thong tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với với giá dự thầu là *[Hệ thống tự động trích xuất]* cùng với các bảng tống hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là*[Ghi tỷ lệ giảm giả, nêu có].*

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giâm giá là: *[Hệ thong tự động tính]*

(đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSĐXTC:*[Hệ thong tự động trích xuất].*

Chúng tôi cam kết:

1. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.
2. Neu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đâm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 39 CDNT của HSMT.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bàng chữ ký số của đại diện hợp pháp cũa nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

**Mau số 13(a) (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG GIÁ DỤ THẦU  
(Dành cho nhà thầu)  
(Gói thầu duợc liệu)**

**Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu(1): »**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT theo HS MT* | *Tên dược liệu* | *Bộ phậ n đùn g* | *Tên kho a học* | *Dạ "S sơ chế* | *Quy cách đóng gói* | *Phô n nhó ni* | *Hạn dùng (Tuổi thọ)* | *Số ĐKLH/ GPNK/SỔ công bố TCCL m* | *Cơ sở sản .Ả. xuât* | *Cơ sở cung cấp* | *Đơn vị tỉnh* | *Đơn giả dư thầu* | *số lượn gdự thầu* | *Thi nh tiềl* |
| ***(1)*** | *Í21* | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | ***(11)*** | ***(12)*** | ***(13)*** | ***(14)*** | ***(ỉt )*** |
| ***2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chủ:

*/. Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (GMP, WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đương EU- GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.*

*2. Giấy đăng ký ỉ ưu hành hoặc GPNK: Ghi rõ so giấy đãng ký lưu hành của dược liệu hoặc số giấy phép nhập khấu hoặc TCCL;*

* ***Các cột (2), (3), (4), (5), (7), (14) được trích xuất từ Mau số 00 Chương này.***
* ***Các cột (6), (8), (10), (11), (12) được trích xuất từ mẫu sổ 11 Chương này.***
* *Các cột còn lại nhà thầu điền trên webform đê hình thành giá dự thầu*

*ty/*

**Mầu số 13(b) (webform trên Hệ thống)**

**BẢNG GIÁ Dự THÁU  
(Dành cho nhà thầu)  
(Gói thầu vị thuốc co truyền)**

**Tiêu chuẩn thực hành tốt của nhà thầu(1): \_\_t**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT theo HS MT* | *Tên vị thuốc cổ truyề n* | *Bộ phậ n (lùn g* | *Tên kho u học* | *Phư*  *OltỊi phá p , chế biế*  *n* | *Quy cách đỏng gói* | *Phân nhỏm* | *Hạn*  *(Tuổi thọ)* | *Số*  *ĐKL*  *H/*  *GPN*  *Km* | *Cơ sở sản xuất* | *Cơ sở cung . \* cap* | *Đơn vị tính* | *Đơn giá dự thầu* | *sổ lượn g dV' thầu* | *Thành tiền* |
| *(ỉ)* | *(21* | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** | ***(6)*** | ***(7)*** | ***(8)*** | ***(9)*** | ***(10)*** | ***(11)*** | *(12)* | ***(13)*** | ***(14)*** | ***(15)*** |
| *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| .... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

1. *Tiêu chuẩn thực hành tot của nhà thầu: Ghi rõ các Giấy chứng nhận thực hành tốt (GMP, WHO-GMP, PIC/s-GMP, EU-GMP hoặc tương đưoTìg EU- GMP, GSP, GDP) mà nhà thầu được cấp.*
2. *Giấy đăng ký lưu hành hoặc GPNK: Ghi rô số giấy đăng ký lưu hành của vị thuôc cô truyên hoặc sô giây phép nhập khâu;*

* ***Các cột (2), (3), (4), (5), (7), (14) được trích xuất từ Mẩu số 00 Chương này.***
* ***Các cột (6), (8), (10), (11), (12) được trích xuất từ mẫu sổ 11 Chương này.***

*- Các cột còn lại nhà thầu điền trên yvebform đê hình thành giả dự thầu*

**Mẩu số 00 (webform trên Hệ thống - dành cho bên mời thầu)**

**BẢNG PHẠM VI CUNG CÁP, TIÉN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VÈ KỸ**'thuật Của **DUỢC LIỆU/VỊ** thuốc Cổ **TRUYỀN**

1. **Đối vói gói thầu dược liệu:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên**  **Dược liệu** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Dạng**  **SO' chế** | **Phân Nhóm** | **Đon vị tính** | **Số lượng** | **Giá kế hoạc h** | **Tiến độ cung** *i* **cãp** | **Giá trị bảo đảm dự thầu** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Đối vói gói thầu vị thuốc cổ truyền:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên vị thuốc cổ truyền** | **Bộ phận dùng** | **Tên khoa học** | **Phưong pháp chế biến** | **Phân Nhóm** | **Đon vị tính** | **Số lưọn g** | **Giá kế hoạc h** | **Tiến độ cung cấp** | **Giá trị bảo đăm dự thầu** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Đối với các biêu mẫu còn lại được thực hiện theo Chương IV Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP**

**Chuong V. Phạm vi cung cấp**

Chương này bao gồm phạm vi, tiến độ cung cấp thuốc, yêu cầu về tiêu chuân kỹ thuật của thuổc thực hiện theo Mầu sổ 00 Chương IV và được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng phù hợp với gói thầu để phát hành HSMT và nộp HSDT trên Hệ thống.

Các nội dung còn lại thực hiện theo Chương V Mẫu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

Chương này thực hiện theo Chương VI Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

Chương này thực hiện theo Chương VII Mầu hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này thực hiện theo Chương VIII Mau hồ sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.

**Phần 4. PHỤ LỤC**

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỳ thuật.

Phần này thực hiện theo Phần 4 Mau ho sơ mời thầu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BYT và được bên mời thầu đính kèm trên Hệ thống.